

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

**BẢNG BÁO GIÁ**  
**Giống gia súc năm 2026**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau thông báo giá cung ứng giống gia súc như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Quy cách	Đơn giá (đồng)
			Trọng lượng (kg/con)	
<b>I Heo cái giống Yorkshire, Landrace, Duroc</b>				
1	Heo cái giống (đã thực hiện công tác giống)	Con	10 – 12	5.000.000
<b>II Heo con giống thương phẩm (03 máu Yorkshire, Landrace, Duroc)</b>				
1	Heo con giống	Con	10 – 15	2.700.000
2	Heo con giống	Con	15 – 20	3.000.000

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
<b>III Phôi giống</b>			
1	Tinh heo (Yorkshire, Landrace, Duroc)	Liều	70.000
2	Ống dẫn tinh	Ống	15.000

Thông báo giá này có giá trị từ ngày ký cho đến khi có thông báo giá mới.

Quý khách vui lòng liên hệ: **Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau**

**Địa chỉ:**

**1. Trụ sở 1:** Số 155, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 15, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

**2. Trại sản xuất và kinh doanh giống Vật nuôi – Thủy sản**

Địa chỉ: ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân, Cà Mau

**SĐT: (0290) 3 888 588 – 3 888 688**

**Di động: 0963 704 015 (Hưng); 0919 311 577 (Văn).**

**Nơi nhận:**

- Trưởng phòng, trại (t/h);
- Khách hàng;
- Lưu: VT, t.SXKDGN-L(Duy)

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Thị Kiều Khuyến**

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO**  
**Giá cung ứng giống gà năm 2026**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau thông báo giá cung ứng gà giống như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Quy cách	Đơn giá (đồng)
			Tuổi (ngày)	
<b>I</b>	<b>Gà Tàu vàng</b>			
1	Gà Tàu vàng con	Con	01 – 03	17.000
			04 – 10	20.000
			11 – 15	25.000
			16 – 20	30.000
			21 – 25	35.000
2	Gà Tàu vàng thịt	Kg	-	70.000
3	Gà Tàu vàng loại	Kg	-	70.000
4	Gà Tàu vàng Hậu bị	Kg	-	150.000

Thông báo giá này có giá trị từ ngày ký cho đến khi có thông báo giá mới.

Quý khách vui lòng liên hệ: **Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau**

**Địa chỉ:**

**1. Trụ sở 1:** Số 155, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 15, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

**2. Trại sản xuất và kinh doanh giống Vật nuôi – Thủy sản**

Địa chỉ: ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân, Cà Mau

**SĐT: (0290) 3 888 588 – 3 888 688**

**Di động: 0963 704 015 (Hưng); 0915 245 346 (Phước).**

**Nơi nhận:**

- Trường phòng, trại (t/h);
- Khách hàng;
- Lưu: VT, t.SXKDGN-L(Duy)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Kiều Khuyến**

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO GIÁ**  
**Cung ứng lúa giống cấp xác nhận năm 2026**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau thông báo giá cung ứng lúa giống như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	OM576	Kg	14.000	CM
2	CAMAU3	Kg	14.000	CM
3	OM5451	Kg	16.000	KG
4	OM18	Kg	16.500	KG
5	OM2517	Kg	17.000	KG
6	GKG1	Kg	17.000	KG
7	ST24	Kg	25.000	ST
8	ST25	Kg	25.000	ST
9	BL9	Kg	22.000	BL

Thông báo giá này có giá trị từ ngày ký cho đến khi có thông báo giá mới.

Quý khách vui lòng liên hệ: **Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau**

**Địa chỉ:**

**1. Trụ sở 1:** Số 155, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 15, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

**2. Trại sản xuất và kinh doanh giống Vật nuôi – Thủy sản**


Địa chỉ: ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân, Cà Mau

SĐT: (0290) 3888 588 – 3888 688

Di động: 0988 047 749 (Nhấn); 0948 960 052 (Phượng).

**3. Trại sản xuất và kinh doanh giống Nông – Lâm**

Địa chỉ: Ấp 14, xã Khánh Lâm, Cà Mau

SĐT: 0939 357 475 (Khắc); 0909 727 485 (Thục)./. 

**Nơi nhận:**

- Trưởng phòng, trại (t/h);
- Khách hàng;
- Lưu: VT, t.SXKDGN-L(Duy)



**Nguyễn Thị Kiều Khuyên**

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

## THÔNG BÁO

### Giá cung ứng giống cây lâm nghiệp, cây đô thị năm 2026

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau thông báo giá cung ứng giống cây lâm nghiệp, cây đô thị như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Quy cách		Đơn giá (đồng)
			Chiều cao (cm)	Cỡ bầu (cm)	
1	Bàng Đài Loan	Cây	60 - 80	15 x 20	30.000
2	Bàng lãg	Cây	60 - 70	15 x 20	30.000
3	Cau đuôi chồn	Cây	50 - 70	15 x 20	35.000
4	Chuông vàng	Cây	80 - 100	15 x 20	40.000
5	Dầu	Cây	70 - 100	15 x 20	30.000
6	Dương (Phi lao)	Cây	80 - 100	15 x 20	30.000
7	Giáng hương	Cây	80 - 100	15 x 20	40.000
8	Kèn hồng	Cây	80 - 100	15 x 20	30.000
9	Hoàng Yến	Cây	50 - 70	25 x 25	45.000
10	Keo lai hom	Cây	25 - 30	7 x 12	1.200
11	Mai	Cây	80 - 100	20 x 25	35.000
12	Phượng	Cây	80 - 100	15 x 20	37.000
13	Sao	Cây	100 - 150	15 x 20	35.000
14	Sưa đỏ	Cây	60 - 80	15 x 20	32.000
15	Xà cừ	Cây	80 - 100	15 x 20	30.000

Thông báo giá này có giá trị từ ngày ký cho đến khi có thông báo giá mới.

Quý khách vui lòng liên hệ: **Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau**

**Địa chỉ:**

**1. Trụ sở 1:** Số 155, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 15, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

**2. Trại sản xuất và kinh doanh giống Nông - Lâm**

Địa chỉ: Ấp 14, xã Khánh Lâm, tỉnh Cà Mau

**SĐT: (0290) 3 888 588 – 3 888 688**

**Di động: 0939 357 475 (Khắc); 0865 108 810 (Toàn).**

**Nơi nhận:**

- Trưởng phòng, trại (t/h);
- Khách hàng;
- Lưu: VT, t.SXKDGN-L(Duy)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Kiều Khuyến**

Cà Mau, ngày 01 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO GIÁ**  
**Giống cây ăn trái năm 2026**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau thông báo giá cung ứng giống cây ăn trái như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Quy cách		Đơn giá (đồng)
			Chiều cao (cm)	Cỡ bầu (cm)	
1	<b>Bơ sáp 034</b>	Cây	50 – 70	18 x 25	35.000
2	<b>Bưởi da xanh</b>	Cây	60 – 80	18 x 25	40.000
3	<b>Bòn bon</b>	Cây	30 – 50	20 x 25	100.000
4	<b>Cà na Thái</b>	Cây	70 – 80	15 x 20	30.000
5	<b>Cam</b>				
	Cam sành, Cam xoàn	Cây	50 – 70	15 x 20	25.000
6	<b>Chanh</b>				
a	Chanh chúc, Chanh không hạt, chanh tứ quý (nhỏ)	Cây	50 – 70	18 x 25	40.000
b	Chanh tứ quý (lớn)		50 – 80	20 x 25	40.000
7	<b>Chery</b>				
a	Chery (nhỏ)	Cây	20 – 30	18 x 25	65.000
b	Chery (lớn)		30 – 50	18 x 25	90.000
8	<b>Chôm chôm Thái</b>	Cây	20 – 30	15 x 20	50.000
9	<b>Cóc Thái</b>	Cây	40 – 60	18 x 25	35.000
10	<b>Dâu</b>				
	Dâu hạ châu, Dâu xanh	Cây	50 – 70	15 x 20	40.000
11	<b>Dừa</b>				
	Dừa mã lai, Dừa ta, Dừa xiêm dây, Dừa xiêm đỏ, Dừa xiêm lùn, Dừa thái, Dừa dứa	Cây	30 – 70	20 x 25	60.000
12	<b>Đu đủ</b>				
	Đu đủ xanh, Đu đủ vàng	Cây	10 – 20	10 x 15	10.000
13	<b>Khế</b>				
	Khế chua, Khế ngọt	Cây	40 – 60	18 x 25	40.000
14	<b>Lêkima</b>	Cây	30 – 50	15 x 20	80.000
15	<b>Lựu</b>				
a	Lựu đỏ	Cây	30 – 50	15 x 20	45.000
b	Lựu Ấn Độ		30 – 50	15 x 20	80.000
16	<b>Mãng cầu</b>				
a	Mãng cầu gai thế hệ mới (bầu nhỏ)	Cây	50 – 70	18 x 25	30.000

b	Mãng cầu hoàng hậu (na Thái)		20 – 30	15 x 20	35.000
<b>17</b>	<b>Mãng cụt</b>	Cây	30 – 50	18 x 25	85.000
<b>18</b>	<b>Mận</b>				
	Mận hồng, Mận tam hoa, Mận xanh	Cây	30 – 50	18 x 25	80.000
<b>19</b>	<b>Me</b>				
a	Me chua	Cây	20 – 30	15 x 20	15.000
b	Me ngọt (Thái)		50 – 70	15 x 20	40.000
<b>20</b>	<b>Mít</b>				
a	Mít nghệ, Mít Thái, Mít ruột đỏ, Mít tổ nữ, Mít mã lai	Cây	50 – 70	18 x 25	70.000
b	Mít tổ nữ sầu riêng		50 – 70	18 x 25	150.000
<b>21</b>	<b>Nhãn</b>				
a	Nhãn thái	Cây	60 – 80	18 x 25	35.000
b	Nhãn tiêu		60 – 80	18 x 25	40.000
c	Nhãn xuống		60 – 80	18 x 25	50.000
d	Thanh nhãn		60 – 80	18 x 25	55.000
e	Nhãn tím		60 – 80	18 x 25	60.000
<b>22</b>	<b>Nho móng tay</b>	Cây	20 – 30	15 x 20	70.000
<b>23</b>	<b>Ổi</b>				
a	Ổi lê (bầu nhỏ), Ổi nữ hoàng (bầu nhỏ)	Cây	40 – 60	18 x 25	30.000
b	Ổi không hạt (bầu nhỏ)		40 – 60	18 x 25	35.000
c	Ổi không hạt (bầu lớn), Ổi lê (bầu lớn), Ổi nữ hoàng (bầu lớn), Ổi Ruby		50 – 70	15 x 20	45.000
<b>24</b>	<b>Quýt đường</b>	Cây	50 – 70	18 x 25	25.000
<b>25</b>	<b>Sa kê</b>	Cây	70 – 100	20 x 25	65.000
<b>26</b>	<b>Sapoche</b>				
a	Sapo lông mứt	Cây	50 – 70	20 x 25	70.000
b	Sapo Mehico		70 – 100	20 x 25	75.000
c	Sapo Cần Thơ		50 – 70	20 x 25	115.000
<b>27</b>	<b>Sầu riêng</b>				
	Sầu riêng Ri6, Sầu riêng Thái (bầu lớn)	Cây	50 – 70	20 x 25	135.000
<b>28</b>	<b>Sơ ri</b>	Cây	70 – 100	18 x 25	35.000
<b>29</b>	<b>Táo Thái</b>	Cây	50 – 70	15 x 20	40.000
<b>30</b>	<b>Tắc</b>				
a	Tắc (bầu nhỏ)	Cây	50 – 60	18 x 25	20.000
b	Tắc (bầu lớn)		50 – 70	20 x 25	40.000
<b>31</b>	<b>Thiên lý</b>	Cây	20 – 30	18 x 25	30.000
<b>32</b>	<b>Tiêu</b>	Cây	30 – 40	18 x 25	45.000
<b>33</b>	<b>Trà xanh</b>	Cây	20 – 30	15 x 20	25.000
<b>34</b>	<b>Tre điền trúc</b>	Cây	80 – 100	15 x 20	45.000
<b>35</b>	<b>Vối</b>	Cây	80 – 110	15 x 20	35.000

<b>36</b>	<b>Vú sữa</b>				
a	Vú sữa lò rèn (bầu nhỏ)	Cây	40 – 50	18 x 25	40.000
b	Vú sữa lò rèn (bầu lớn)		40 – 70	20 x 25	70.000
c	Vú sữa bắc thảo (bầu nhỏ)		50 – 70	20 x 25	40.000
d	Vú sữa Mica		40 – 50	18 x 25	60.000
e	Vú sữa Hoàng Kim		60 – 80	18 x 25	60.000
<b>37</b>	<b>Xoài</b>				
	Xoài cát Hoà Lộc, Xoài Đài Loan, Xoài keo, Xoài Thái, Xoài tứ quý, Xoài Úc	Cây	80 – 100	18 x 25	35.000

*Thông báo giá này có giá trị từ ngày ký cho đến khi có thông báo giá mới. Quý khách có nhu cầu về các loại cây kiểng, giống cây không có trong danh mục này, xin liên hệ bộ phận bán hàng để đặt hàng, đơn vị sẽ cung ứng kịp thời đến quý khách.*

Quý khách vui lòng liên hệ: **Trung tâm Khuyến nông tỉnh Cà Mau**

**Địa chỉ:**

**1. Trụ sở 1:** Số 155, đường Lý Thường Kiệt, Khóm 15, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau

**2. Trại sản xuất và kinh doanh giống Vật nuôi – Thủy sản**

Địa chỉ: ấp Năm Đám, xã Lương Thế Trân, Cà Mau

**SĐT: (0290) 3 888 588 – 3 888 688**

**Di động: 0988 047 749 (Nhân); 0948 960 052 (Phượng).**

**Nơi nhận:**

- Trường phòng, trại (t/h);
- Khách hàng;
- Lưu: VT, t.SXKDGN-L(Duy)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Kiều Khuyên**